DANH MỤC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ BÃI BỎ MỘT SỐ QUY TRÌNH, THỦ TỤC HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG TCVN ISO 9001:2015 TẠI UBND PHƯỜNG

(Ban hành theo Quyết định số 522/QĐ-UBND ngày 27/03/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường An Biên)

1. Danh mục quy trình, thủ tục sửa đổi, bổ sung và ban hành mới

STT	Mã TTHC	Tên quy trình, thủ tục	Ký hiệu	Ghi chú
I. Lĩnh vực đường bộ				
1	1.013061	Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác	QT.ĐB.02	Ban hành Sửa đổi
II. Lĩnh vực Hoạt động xây dựng				
1	1.013232	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	QT.XD.01	Ban hành Sửa đổi
2	1.013229	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ:	QT.XD.02	Ban hành Sửa đổi

3	1.013228	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	QT.XD.03	Ban hành Sửa đổi
4	1.013226	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	QT.XD.04	Ban hành Sửa đổi
5	1.013225	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	QT.XD.05	Ban hành Sửa đổi
6	1.013227	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải	QT.XD.06	Ban hành Sửa đổi

		tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ		
7		Chấp thuận về địa điểm, quy mô xây dựng công trình và thời gian tồn tại của công trình tạm (được xây dựng có thời hạn phục vụ mục đích sử dụng cho việc tổ chức các sự kiện hoặc hoạt động khác trong thời gian quy định	QT.XD.09	Ban hành mới
8		Chấp thuận tiếp tục khai thác, sử dụng công trình tạm (được xây dựng có thời hạn phục vụ mục đích thi công xây dựng công trình chính)	QT.XD.10	Ban hành mới
III. Lĩnh vực nhà ở				
1		Đăng ký mua,thuê mua,thuê nhà ở xã hội,vay vốn để hộ gia đình, cá nhân tự xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	QT.NOCS.02	Ban hành mới
IV. Lĩnh vực thành lập và hoạt động hỗ trợ của Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hợp tác xã				
1	2.002648	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QT.THT.05	Ban hành Sửa đổi
2	2.002643	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp	QT.THT.08	Ban hành Sửa đổi

		hợp tác xã; Dừng thực hiện thủ tục giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã		
3	2002641	Thông báo tạm ngừng kinh doanh/ tiếp tục kinh doanh trở lại đối với tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	QT.THT.11	Ban hành Sửa đổi
4	2.002638	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác/ Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã/ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện/ Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy	QT.THT.14	Ban hành Sửa đổi
5	2.002123	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo địa điểm kinh doanh; Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QT.THT.21	Ban hành Sửa đổi
6	1014371	'Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký Quỹ hỗ trợ pháttriển hợp tác xã (sau đây gọi tắt là Quỹ hợp tác xã) địa phương hoạt động theo mô hình hợp tác xã	QT.THT.30	Ban hành mới
V. Lĩnh vực thuế				
1	1013040	Thủ tục khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải	QT.LVT.01	Ban hành mới
VI. Lĩnh vực quản lý công sản				

1	3.000410	Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản không có người thừa kế	QT.QLCS.01	Ban hành sửa đổi
VII. Lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước				
1	2.000633	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	QT.LTHH.02	Ban hành sửa đổi
2	2.001279	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	QT.LTHH.05	Ban hành sửa đổi
3	2.000621	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	QT.LTHH.06	Ban hành sửa đổi
4	2. 00181	Cấp giấy bán lẻ sản phẩm thuốc lá	QT.LTHH.08	Ban hành sửa đổi
5	2.000150	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	QT.LTHH.09	Ban hành sửa đổi
VIII. Lĩnh vực Công nghiệp địa phương				
1	3.002096	Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp xã	QT.CNĐP.01	Ban hành sửa đổi
IX. Lĩnh vực Quản lý đê điều và phòng chống thiên tai				
1	1.010091	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội	QT.QLĐĐ.01	Ban hành sửa đổi
2	1.010092	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích	QT.QLĐĐ.02	Ban hành sửa đổi

		phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội		
X. Lĩnh vực Thủy lợi				
1	2.001627	Thẩm định quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã phê duyệt	QT.TL.02	Ban hành sửa đổi
2	2.001621	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thuỷ lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)	QT.TL.03	Ban hành sửa đổi
3	1.003471	phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã	QT.TL.04	Ban hành sửa đổi
4	1.003440	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	QT.TL.05	Ban hành sửa đổi
5	1.003446	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	QT.TL.06	Ban hành sửa đổi
6	1.003347	Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã	QT.TL.07	Ban hành sửa đổi

7	1.014849	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	QT.TL.08	Ban hành mới
8	1.014850	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	QT.TL.09	Ban hành mới
9	1.014851	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Nuôi trồng thủy sản; Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	QT.TL.10	Ban hành mới
10	1.014853	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Nuôi trồng thủy sản; Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	QT.TL.11	Ban hành mới
11	1.014854	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch	QT.TL.12	Ban hành mới

		UBND cấp xã		
12	1.014859	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	QT.TL.13	Ban hành mới
13	1.014860	Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	QT.TL.14	Ban hành mới
14	1.014862	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	QT.TL.15	Ban hành mới
15	1.014863	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động: du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	QT.TL.16	Ban hành mới
16	1.014864	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ do	QT.TL.17	Ban hành mới

		Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã		
XI. Lĩnh vực đất đai				
1	6.005276	Trình tự định giá đất cụ thể đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã	QT.ĐĐ.15	Ban hành mới
XII. Lĩnh vực tài nguyên nước				
1	1.001662	Đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất	QT.TNN.01	Ban hành sửa đổi
XII. Lĩnh vực ứng phó sự cố tràn dầu				
1	1013128	Thủ tục thẩm định và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu đối với cửa hàng bán lẻ xăng dầu trên đất liền, trên sông, trên biển và các cơ sở, dự án trên địa bàn xã không thuộc đối tượng kinh doanh, vận chuyển xăng dầu có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu mức độ nhỏ (dungtích chứa dưới 50 m3)	QT.UPSCTD.01	Ban hành mới
XIII. Lĩnh vực đào tạo nghề				
1	'2002821	Hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động ở khu vực nông thôn, người lao động là thanh niên	QT.ĐTN.01	Ban hành mới
XIV. Lĩnh vực quản lý nhà nước về Quỹ, hội				
1	1.014.942	Thủ tục cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	QT.QH.16	Ban hành mới
2	1.014.943	"Thủ tục công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận Hội đồng quản lý quỹ; Công nhận Hội đồng quản lý quỹ khi	QT.QH.17	Ban hành mới

		thay đổi, bổ sung thành viên hoặc hết nhiệm kỳ		
3	1.014.944	Thủ tục công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ; đổi tên quỹ	QT.QH.18	Ban hành mới
4	1.014.945	Thủ tục cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn hoạt động	QT.QH.19	Ban hành mới
5	1.014.946	Thủ tục hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, mở rộng phạm vi hoạt động quỹ	QT.QH.20	Ban hành mới
6	1.014.947	Thủ tục quỹ tự giải thể	QT.QH.21	Ban hành mới
XV. Lĩnh vực Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân				
1		Đề nghị hỗ trợ chi phí học tập trong cơ sở giáo dục mầm non công lập, cơ sở giáo dục phổ thông công lập, cơ sơ rgiaos dục công lập thực hiện chương trình giáo dục phổ thông	QT.GDQD.15	Ban hành mới
2		Đề nghị hỗ trợ chi phí học tập trong cơ sở giáo dục mầm non tư thục, trường tiểu học tư thục, trường THCS tư thục, cơ sở giáo dục thường xuyên tư thục, cơ sở giáo dục mầm non, trường tiểu học, trung học cơ sở trong các trường đại học, cao đẳng, viện ngiên cứu	QT.GDQD.16	Ban hành mới
XVI. Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp				
1	1.005.144	'Đề nghị miễn, giảm học phí trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học tư thục và cơ sở giáo dục nghề nghiệp,	QT.GDNN.03	Ban hành mới

		cơ sở giáo dục đại học thuộc tổ chức kinh tế, doanh nghiệpnhà nước		

2. Danh mục quy trình, thủ tục bãi bỏ

STT	Mã TT	Tên quy trình, thủ tục	Ký hiệu	Ghi chú
I. Lĩnh vực thành lập và hoạt động hỗ trợ của Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hợp tác xã				
1	2.002650	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QT.THT.03	Bãi bỏ
2	2.002646	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài	QT.THT.06	Bãi bỏ
3	2.002644	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác	QT.THT.07	Bãi bỏ
4	2.002645	Dừng thực hiện thủ tục giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QT.THT.09	Bãi bỏ
5	1.005377	Thông báo tạm ngừng kinh doanh/ tiếp tục kinh doanh trở lại đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	QT.THT.19	Bãi bỏ

6	2.001973	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QT.THT.23	Bãi bỏ
II. Lĩnh vực việc làm				
1	1.013724	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với người lao động.	QT.VL.01	Bãi bỏ
2	1.013725	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh.	QT.VL.02	Bãi bỏ
III. Lĩnh vực quản lý nhà nước về Quỹ, hội				
1	1.013030	Thủ tục quỹ tự giải thể	QT.QH.01	Bãi bỏ
2	1013029	Thủ tục cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động	QT.QH.02	Bãi bỏ
3	1.013028	Thủ tục hợp nhất sát nhập chia tách mở rộng phạm vi hoạt động quỹ	QT.QH.03	Bãi bỏ
4	1.013027	Thủ tục cấp ·giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	QT.QH.04	Bãi bỏ

5	1.013025	Thủ tục công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên hội đồng quản lý quỹ công nhận thay đổi bổ sung thành viên hội đồng quản lý quỹ	QT.QH.05	Bãi bỏ
6	1.013024	Thủ tục cấp lai giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	QT.QH.06	Bãi bỏ
7	1.013026	Thủ tục công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung quỹ, đổi tên quỹ)	QT.QH.15	Bãi bỏ
IV. Lĩnh vực phát thanh truyền hình và thông tin điện tử				
1	1.013795	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT.PT.04	Bãi bỏ
V. Lĩnh vực chứng thực				
1	2.001009	Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sửa dụng đất, nhà ở	QT.CT.05	Bãi bỏ